

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Tuyết Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Hằng.

2. Bà Đặng Thị Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Sự, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2020/QĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: thôn Lạng Dương, xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1989. Xin xét xử vắng mặt

Quê quán: thôn Đào Xá, xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Nơi đăng ký HKTT: thôn Lạng Dương, xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

Hiện trú tại: 264 Miki-cho, Kita-gun, Kagawa, Japan (Nhật Bản)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh kết hôn với chị Vũ Thị D quê ở thôn Đào Xá, xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên vào tháng 02/2008. Trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi kết hôn chị D chuyển khẩu và về ở chung cùng anh ngay tại thôn Lạng Dương, xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Ban đầu vợ chồng hòa thuận, đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, chị D muốn đi nước ngoài lao động nhưng anh không đồng ý, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sau đó chị D tìm mọi cách để đi nước ngoài mà không cần sự đồng ý của anh.

Tháng 11/2018, chị D đi lao động tại Nhật Bản, từ đó đến nay hai bên không liên lạc với nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Vì thế anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị D để anh sớm ổn định cuộc sống.

Con chung: Vợ chồng có hai con là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24/11/2008 và Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 24/3/2014. Trước khi đi Nhật Bản chị D mang con về nhà để cho bố mẹ nuôi dưỡng nên hiện nay hai cháu vẫn ở cùng ông bà ngoại. Do chị D muốn nuôi dưỡng cả hai cháu và hai cháu ở cùng ông bà ngoại đều khỏe mạnh nên anh cũng đồng ý giao hai con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con là 2.000.000đồng/tháng.

Tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai gửi về cho Tòa án, bị đơn chị Vũ Thị D trình bày nội dung thể hiện: Chị xác nhận về điều kiện kết hôn, quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và công nợ đúng như lời anh Nguyễn Đức H trình bày. Nay anh H yêu cầu xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh H để mỗi người tìm hạnh phúc riêng của mình.

Con chung: Trước khi đi Nhật Bản chị đã mang hai con về gửi bố mẹ để trông nom, hàng tháng chị vẫn gửi tiền về cho bố mẹ chị nuôi dưỡng các cháu. Hiện hai cháu ăn học và phát triển bình thường nên chị đề nghị để các cháu cho chị và ông bà ngoại nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị D đang sống và làm việc tại Nhật Bản không có điều kiện về Việt Nam tham gia các phiên họp hòa giải; tiếp cận, giao nộp, công khai tài liệu chứng cứ; phiên tòa xét xử vụ án nên chị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử vụ án.

Chị D ủy quyền cho bố đẻ là ông Vũ Văn C, sinh năm 1968; địa chỉ thôn Đào Xá, xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm thay chị nhận các văn bản tố tụng trong việc giải quyết ly hôn của chị D theo quy định của pháp luật và gửi sang Nhật Bản cho chị D.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức H đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn; giao cho chị Vũ Thị D nuôi hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24/11/2008 và Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 24/3/2014, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con là 2.000.000đ/tháng; tài sản chung và công nợ: không đề nghị giải quyết.

Chị Vũ Thị D đã xin xét xử vắng mặt đồng thời cũng đã gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung bản tự khai của chị Vũ Thị D tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án tới khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H. Xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn với chị Vũ Thị D. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24/11/2008 và cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 24/3/2014 cho chị Vũ Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con là 2.000.000đ/tháng. Những vấn đề khác do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị D vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết, xét xử vắng mặt chị D theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án: Anh Nguyễn Đức H kết hôn với chị Vũ Thị D năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp cần được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn chị D về ở chung cùng anh Hán ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận, đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do kinh tế khó khăn chị D muốn đi xuất khẩu lao động để phát triển kinh tế gia đình nhưng anh H không đồng ý. Từ bất đồng quan điểm về việc làm ăn dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng, chị D thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh Hán nên đã mang con về nhà đẻ ở. Sau đó chị D đi lao động tại Nhật Bản mà không được sự đồng ý của anh Hán, vợ

chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau; đến nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục hôn nhân sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống của các bên, đề nghị của đương sự là hợp pháp, không trái pháp luật và hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống chung nên cần chấp nhận.

Con chung: Vợ chồng có hai con là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24/11/2008 và Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 24/3/2014. Trước khi chị D đi Nhật Bản đã mang hai con sống cùng bố mẹ chị, từ đó đến nay các cháu vẫn ở cùng ông bà ngoại. Khi ly hôn chị mong muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu, cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng ông bà ngoại và anh H cũng đồng ý.

Xét thấy, chị D có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu Tr, việc anh H và chị D đề nghị giao con chung cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng là tự nguyện và hợp pháp nên được chấp nhận.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đức H đồng ý cấp dưỡng cho chị Vũ Thị D nuôi hai con là 2.000.000đ/tháng, sự tự nguyện này cũng phù hợp với thu nhập của anh Hán, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Anh Nguyễn Đức H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở anh Hán thực hiện quyền này.

Tài sản chung, công nợ: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức H, cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Vũ Thị D.

2. Con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24/11/2008 và Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 24/3/2014 cho chị Vũ Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đức H cấp dưỡng cho chị Vũ Thị D nuôi hai con chung là 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công nợ: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004595 ngày 11/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tuyết Mai**